

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Thuật;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyển - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 627/2018/TLST-HNGĐ ngày ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1984. Hộ khẩu thường trú: Số 34/33 hẻm 34 đường Bàu Rong 2, khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979. Hộ khẩu thường trú: Số 34/33 hẻm 34 đường Bàu Rong 2, khu phố 6, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/9/2018, bản tự khai ngày 06/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà C trình bày:

Bà C và ông K sống chung với nhau từ năm 2002. Việc sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì không

hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau về các vấn đề trong cuộc sống. Bà C đã cố gắng nhẫn nhịn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không được. Hiện nay, bà C và ông K đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã không còn, vì vậy bà C yêu cầu ly hôn với ông K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà C và ông K có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 24/02/2004 và Nguyễn Hoài N, sinh ngày 13/12/2012. Khi ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật. Riêng bị đơn dù được niêm yết, triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông K chung sống với nhau từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy,

hiện bà C và ông K đã sống ly thân với nhau, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ông K không có thiện chí đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà C và ông K có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 24/02/2004 và Nguyễn Hoài N, sinh ngày 13/12/2012. Xét thấy, hiện cháu N dưới 07 tuổi và đang được bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên việc giao cháu N cho bà C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, không gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ; đối với cháu T hiện đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bà C nên việc giao cháu T cho bà C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ông K không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo biên bản xác minh ngày 13/9/2018 thì hiện nay ông K làm tài xế xe ô tô, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 9.000.000 đồng. Vì vậy, bà C yêu cầu ông K cấp dưỡng mỗi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117, 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C đối với bị đơn ông Nguyễn Văn K về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kim C trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 24/02/2004 và Nguyễn Hoài N, sinh ngày 13/12/2012. Buộc ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Thị Hồng T, sinh ngày 24/02/2004 mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) và cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Hoài N, sinh ngày 13/12/2012 mỗi tháng là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T, cháu N đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không cấp dưỡng nuôi con đúng thời hạn thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0012389 ngày 06/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Văn K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- UBND TT D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Tuấn